

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 và Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và Quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột; Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 02/TTr-SXD ngày 08/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 và Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (nay gọi là quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2.000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 23/01/2017:

- Tại khoản 1 Điều 1 bổ sung nội dung:

+ Bổ sung ký hiệu lô đất A-28 vào cột ký hiệu đất ở biệt thự;

+ Bổ sung lô đất B-09 vào cột ký hiệu đất ở cải tạo chỉnh trang;

+ Bổ sung lô đất B-17 vào cột ký hiệu đất ở liên kế chỉnh trang kết hợp thương mại.

- Tại khoản 2 Điều 1 bổ sung nội dung: Bổ sung chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất tối thiểu, tầng cao, ...) cho lô đất ký hiệu A-28 theo chức năng lô đất là đất ở biệt thự quy định tại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND tỉnh.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/4/2019:

- Tại khoản 2 Điều 1 sửa đổi, bổ sung nội dung:

+ Bổ sung ký hiệu lô đất A-28 vào cột ký hiệu đất ở biệt thự;

+ Bổ sung lô đất B-09 vào cột ký hiệu đất ở cải tạo chỉnh trang;

+ Bổ sung lô đất B-17 vào cột ký hiệu đất ở liên kế chỉnh trang kết hợp thương mại;

+ Chỉnh sửa lô đất ký hiệu A-28 ở cột đất ở liên kế thành ký hiệu A-29 và cập nhật lại số liệu diện tích tại cột đất ở biệt thự và đất thương mại dịch vụ (cấp đô thị):

+ Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

Các chỉ tiêu, thành phần đất đai được tổng hợp theo bảng sau:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng quy mô đất (I+II)	-	193,29	100,00
I	Đất dân dụng (A+B+C+D)	-	192,77	99,73
A	Đất đơn vị ở	-	83,52	43,21
1	Đất ở	-	76,07	39,36
	<i>Đất ở biệt thự</i>	<i>A-14, A-25, B-22, C-06, A-28</i>	<i>16,41</i>	<i>8,49</i>
	<i>Đất ở cải tạo chỉnh trang</i>	<i>A-09, A-15, A-16, B-02, B-06, B-09, B-21, B-24, B-25, B-28, B-29, B-31, C-01, C-08, C-09, C-13, C-15, C-25</i>	<i>33,74</i>	<i>17,46</i>
	<i>Đất ở liên kế chỉnh trang kết hợp thương mại</i>	<i>B-03, B-07, B-10, B-17, B-23, B-32, B-33, C-02, C-05, C-07, C-12, C-20, C-23, C-24, C-27</i>	<i>11,10</i>	<i>5,74</i>

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Đất ở liên kế	C-4, C-26, A-20, A-22, A-23, A-24, A-26, A-27, A-29	14,48	7,49
	Đất ở tái định cư	B-19	0,34	0,18
2	Đất công trình công cộng		3,10	1,60
	Đất giáo dục	B-05, B-26, B-27, C-11	1,86	0,96
	Đất hành chính, y tế, bưu điện	A-17, B-34, C-14, C-16	1,24	0,64
3	Đất công viên cây xanh - TDTT	B-11, B-30, C-19, C-21, C-22	4,35	2,25
B	Đất ngoài đơn vị ở	-	34,69	17,94
1	Đất công cộng cấp phường		2,30	1,19
	Đất công cộng	A-12	-	-
	Đất giáo dục	B-14, C-10	1,87	0,97
	Đất hành chính	A-01	0,29	0,15
	Đất thương mại dịch vụ	A-02	0,14	0,07
2	Đất công cộng cấp thành phố	-	28,44	14,71
	Đất công cộng	B-01, B-04, B-20	4,89	2,53
	Đất giáo dục	A-03, A-10, B-08	11,85	6,13
	Đất thương mại dịch vụ	A-06, A-07, B-12, B-15, B-16, B-18, C-03, C-17	11,70	6,05
3	Đất dự trữ	C-18	3,67	1,90
4	Đất đã quy hoạch nhà liên kế	TDP8	0,28	0,14
C	Đất công viên cây xanh cảnh quan và TDTT	-	18,47	9,56
	Đất công viên cây xanh, thảm cỏ cấp phường	A-13, A-18	16,51	8,54
	Đất công trình TDTT cấp phường	B-13	1,96	1,02
D	Đất giao thông	-	56,09	29,02

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
II	Đất hạ tầng	-	0,52	0,27
	Đất công trình đấu nối hạ tầng kỹ thuật	-	0,52	0,27

- Tại khoản 3 Điều 1 bổ sung nội dung: Bổ sung chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất tối thiểu, tầng cao, ...) cho lô đất ký hiệu A-28 và A-29 theo chức năng lô đất là đất ở biệt thự và đất ở liên kế quy định tại Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND tỉnh.

- Tại Điều 3 sửa đổi như sau:

+ Nội dung Điều 3 cũ: “Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 và Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.”

+ Nội dung Điều 3 mới: “Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.”

3. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 581/QĐ-UBND ngày 15/3/2012, Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 và Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh.

Điều 2. UBND thành phố Buôn Ma Thuột có trách nhiệm thông báo nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, để nhân dân trong khu vực được biết, thực hiện và giám sát.

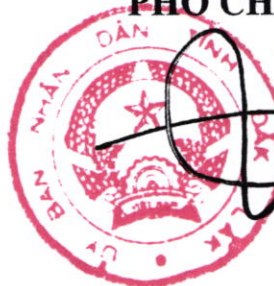
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(V-8).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh